TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 05-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2017/HNGĐ-PT ngày 16/10/2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2017/HNGĐ-ST ngày 31/8/2017 của Toà án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 17/11/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Quốc H, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Số 35/39 (số mới 60), khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Số 35/39 (số mới 60), khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Lê Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 04 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Quốc H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T có thời gian tìm hiểu nhau 03 tháng thì tự nguyện chung sống có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 168 vào ngày 30 tháng 8 năm 2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê trọ sinh sống được khoảng 7 năm thì xây nhà tại địa chỉ khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Anh làm tài xế thu nhập thời điểm đó 1 tháng khoảng 4.000.000 đồng, chị làm công nhân thu nhập 1 tháng hơn 5.000.000 đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong việc mua bán tài sản chung và chị T đối xử không tốt với gia đình bên chồng, cụ thể là mỗi lần có các cô, cậu bên gia đình anh vào chơi thì chị T tỏ thái độ không vui và cũng không đón tiếp chu đáo. Tháng 9 năm 2016, anh chuyển đồ ra ngoài ở riêng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Phan Phương Th, sinh ngày 09/5/2012, hiện cháu đang sống cùng chị T. Sau ly hôn anh đề nghị giao con cho chị T nuôi dưỡng và anh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 09 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Phan Thị T trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của anh H về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn và thời gian chung sống nhưng không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị nguyên nhân chính dẫn đến việc anh H làm đơn ly hôn là do anh H đã có người phụ nữ khác, tháng 9/2016 anh H dọn đồ cá nhân ra ngoài ở cùng người phụ nữ đó tại thành phố T, còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì chị không rõ. Vợ chồng chị chung sống không xảy ra mâu thuẫn lớn, anh H trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc mua bán tài sản nên thường xuyên cãi nhau là không đúng, vợ chồng chị có đánh nhau 02 lần nhưng chuyện đó xảy ra đã lâu. Tết năm 2015, anh H đề cập đổi xe ô tô, chị đồng ý nhưng đề nghị để qua tết mới đổi, sau đó chị cũng đổi xe cho anh, còn việc tiếp đãi gia đình bên chồng thì chị vẫn thực hiện đúng bổn phận con cháu, cơm nước chu đáo, đón tiếp đầy đủ. Vợ chồng ly thân là do anh H tự ý bỏ nhà ra ngoài theo người phụ nữ khác chứ không phải do vợ chồng mâu thuẫn. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh H nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Thống nhất với anh H, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Phan Phương Th, sinh ngày 09/5/2012, hiện cháu đang sống cùng chị.

Do không đồng ý ly hôn nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.

- Tại bản tự khai ngày 22 tháng 5 năm 2017 và quá trình tố tụng người làm chứng chị Lê Thị T1 trình bày:

Chị là em ruột của anh H và là em chồng của chị T, chị thống nhất với phần trình bày của chị T về việc anh H yêu cầu ly hôn chị T. Chị có thời gian sinh sống cùng chị T, anh H từ năm 2010 đến 2012, hiện nay chị đã lập gia đình nhưng cũng ở gần với chị T, anh H. Quá trình sống cùng anh H, chị T chị thấy vợ chồng anh, chị không phát sinh mâu thuẫn lớn, anh H không đánh đập chị T, không đập phá đồ đạc trong nhà, cũng không mắc các tệ nạn xã hội như đánh bài ăn tiền, uống rượu, chè, bê tha. Chị T cũng đối xử tốt với gia đình chồng, chu toàn mọi công việc bên gia đình chồng, tôn trọng bố mẹ chồng nên gia đình chị ai cũng thương và quý chị T. Nguyên nhân anh H ly hôn chị T là do anh H đi làm ăn xa nhà đã có tình cảm và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, theo chị được biết hiện nay anh H đã có con với người phụ nữ này. Gia đình chị biết chuyện anh H dọn đồ ra ở riêng đã khuyên nhủ anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi. Đề nghị Tòa án không cho anh H ly hôn với chị T.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị T do Tòa án tiến hành ngày 10/7/2017, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Từ trước đến nay, địa phương chưa nghe thông tin về việc mâu thuẫn, xích mích, cãi vã hay đánh nhau giữa vợ chồng anh H, chị T. Địa phương có nghe phản ánh việc anh H có quan hệ tình cảm với người phụ khác khoảng hơn 1 năm nay. Hiện tại anh H không còn sinh sống cùng chị T và con gái ở địa chỉ thường trú.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2017/HNGĐ-ST ngày 31/8/2017 của Toà án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bác yêu cầu của anh Lê Quốc H xin ly hôn chị Phan Thị T.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 31/8/2017, nguyên đơn ông Lê Quốc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm như sau: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xin ly hôn nhưng căn cứ nguyên đơn đưa ra làm cơ sở yêu cầu xin ly hôn là không phù hợp. Chứng cứ trong quá trình

giải quyết vụ án thể hiện mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn chưa đến mức trầm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 73/2017/HNGĐ-ST ngày 31/8/2017 của Toà án nhân dân nhân dân thị xã D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Anh Lê Quốc H và chị Phan Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 168 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 30/8/2007 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Phan Phương Th, sinh ngày 09/5/2012. Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc mua bán tài sản chung và do chị T đối xử không tốt với gia đình chồng nên yêu cầu được ly hôn. Chị T xác định vẫn còn tình cảm với anh H nên không đồng ý ly hôn, vợ chồng chị không phát sinh mâu thuẫn trầm trọng như anh H nói, vợ chồng chỉ không thống nhất về thời gian mua bán tài sản chứ không bất đồng về việc bán tài sản, còn đối với gia đình chồng thì chị vẫn đối xử tốt, gia đình chồng đều quý mến chị, chị Lê Thị T1 là em gái của anh H cũng thừa nhận điều này. Theo chị T nguyên nhân chính là do anh H có tình cảm và sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác nên mới yêu cầu ly hôn với chị T.

[2] Theo biên bản xác minh ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Tòa án cấp sơ thẩm tại chính quyền địa phương, lời khai của người làm chứng chị T1 và trình bày của chị T đều xác nhận anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H thừa nhận đang chung sống với người phụ nữ khác. Xét mâu thuẫn giữa anh H và chị T là có nhưng chưa đến mức trầm trọng, ngoài việc bất đồng trong chuyện bán tài sản chung thì anh H không đưa ra được nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng nào cụ thể để chứng minh tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên nhân xin ly hôn là do anh H có tình cảm và bỏ ra ngoài sinh sống với người phụ nữ khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết về con chung là phù hợp.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Quốc H.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 73/2017/HNGĐ-ST ngày 31/8/2017 của Toà án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Quốc H phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010026 ngày 01/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Minh Hoàng